

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HUNG YÊN

Số: 137/2021/QĐST- HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Hào, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1984.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Huy H, sinh năm 1983.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh H.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Phạm Quốc T1, sinh ngày 20/11/2006.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Quốc T1: Anh Phạm Huy H, sinh năm 1983.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh H.

2. Cháu Phạm Hương D, sinh ngày 15/10/2011.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Hương D: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1984.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh H.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Quốc T và cháu Phạm Hương D:** Bà Nguyễn Thu H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

4. Ông Đào Văn T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Y.

5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1963.

6. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1957.

7. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1969.

8. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1970.

9. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1988 .

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

10. Quỹ tín dụng nhân dân B, thị xã M, tỉnh H.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V - Giám đốc.

11. Ngân hàng chính sách xã hội thị xã M, tỉnh H.

Địa chỉ: Phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Chiến C - Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Phương T và anh Phạm Huy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Phương T và anh Phạm Huy H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Phương T và anh Phạm Huy H có 02 con chung là cháu Phạm Quốc T1, sinh ngày 20/11/2006 và cháu Phạm Hương D, sinh ngày 15/10/2011. Chị T và anh H thỏa thuận chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu D đến khi thành niên; anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1 đến khi thành niên. Anh, chị thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Trần Thị Phương T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của anh H, chị T. Anh Hoàng không có yêu cầu phản tố và hoàn toàn tự nguyện nhất trí với việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Giữa anh H, chị T có quan hệ vay nợ với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Y, ông Đào Văn T2, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị M, anh Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Thị T2, Quỹ tín dụng nhân dân B và Ngân hàng chính sách xã hội thị xã M, tỉnh H. Tuy nhiên, giữa vợ chồng anh H, chị T và toàn bộ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về việc trả nợ; toàn bộ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này đều

không có yêu cầu độc lập và đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ của anh H, chị T. Vì vậy, đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của chị T và không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh H, chị T trong vụ án này.

- **Về công sức và ruộng nông nghiệp:** Chị T và anh H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

+ Đối với án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị Phương T và anh Phạm Huy H thỏa thuận chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*). Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004440 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả chị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*).

+ Đối với án phí chia tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Phương T không phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Hoàn trả chị T số tiền 36.435.000đ (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004495 ngày 06/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Nam Thắng